

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-PT

Ngày: 18 - 02 - 2025

V/v Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Cẩm Đào

Các Thẩm phán:

Bà Châu Minh Hoàng

Ông Dương Hùng Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thuý An, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Hồng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 tháng 01 và 17, 18 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2024/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc “Xin ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 88/2024/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Xuân D, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Huỳnh Công C, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ban quản lý rừng phòng hộ Đ (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

2/ Bà Nguyễn Thu Đ, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

3/ Ông Nguyễn Tường Q, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

4/ Bà Hồ Thanh N, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

5/ Bà Nguyễn Kim Y, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 2, phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

6/ Bà Trần Út T, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

7/ Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

8/ Bà Trương Thị L(vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

9/ Bà Huỳnh Hồng T, sinh năm 1975 (có mặt).

10/ Ông Lê Hữu T, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Hữu T: Bà Huỳnh Hồng T, sinh năm 1975
(Theo văn bản ủy quyền ngày 25/12/2024, có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

11/ Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1953 (vắng mặt).

12/ Bà Tiêu Thị H, sinh năm 1953 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

13/ Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1941 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

14/ Anh Huỳnh Nguyễn Hiếu M, sinh năm 2003 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau.

15/ Anh Lê Q, sinh năm 2001 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Xuân D là nguyên đơn; ông Huỳnh Công C, là bị đơn.

- Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau kháng nghị bản án sơ thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Nguyễn Xuân D trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Xuân D và ông Huỳnh Công C chung sống với nhau vào năm 2001, có lập thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Tiến, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Khi mới kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2003 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông C hay chửi và đuổi bà D ra khỏi nhà, tiền bạc không đưa để lo sinh hoạt trong gia đình. Năm

2009, gia đình hàn gắn nên bà D và ông C về sống chung, đến ngày 23/3/2022 vợ chồng lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn ông C đánh bà D ngất xỉu nên bà D đã báo công an giải quyết và bà về nhà cha mẹ ruột sống. Gia đình đôi bên có hàn gắn hôn nhân nhưng sau đó lại tiếp tục mâu thuẫn nên sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn không đạt được hạnh phúc nên bà Nguyễn Xuân D xin được ly hôn với ông Huỳnh Công C.

- Con chung: Có 03 người tên Huỳnh Nguyễn Hiếu M, sinh năm 2003; Huỳnh Nguyễn Hiếu H, sinh năm 2012 và Huỳnh Nguyễn Gia H, sinh năm 2019. Khi ly hôn Hiếu M đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà D yêu cầu được nuôi con là Hiếu H và Gia H, yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/tháng/cháu đến khi các con 18 tuổi.

- Về tài sản chung:

+ Một căn nhà cấp 4 được cất trên phần đất có diện tích 5m x 21m ở ấp Thạnh Điền, xã Lý Văn Lâm, thành phố C trị giá 400.000.000 đồng. Hiện do bà D và Hiếu M đứng tên quản lý sử dụng. Nguồn gốc là nền nhà sang của ông Võ Quốc Nam, sang giấy tay chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giá sang 225.000.000 đồng. Cất nhà năm 2018 giá 300.000.000 đồng. Khi ly hôn yêu cầu được nhận căn nhà và phần đất này để mẹ con bà có chỗ ở.

+ Một căn nhà tiền chế trên phần đất 5m x 32m ở Ấp V, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau trị giá 300.000.000 đồng. Hiện do ông C đứng tên, khi ly hôn yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị bằng tiền là 150.000.000 đồng giao nhà cho ông C quản lý. Nguồn gốc sang của bà Trương Thị Mận năm 2019, giá 300.000.000 đồng.

+ Phần đất 2,68ha đất rừng giao khoán và mặt nước nuôi trồng thủy sản do ông Huỳnh Công C làm đại diện, thửa đất số 499A, khoảnh 92, Tiểu khu 223 ở Ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau theo định giá chuyển nhượng là 680.094.000 đồng. Hiện do ông C đứng tên quản lý, khi ly hôn yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ và nhận giá trị bằng 340.074.000 đồng. Nguồn gốc cha chồng tên Huỳnh Văn T cho vợ chồng vào năm 2009.

+ Một nhà máy sản xuất nước đóng chai Huỳnh Duy tại ấp V trị giá 400.000.000 đồng do ông C đứng tên. Khi ly hôn yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ và nhận giá trị bằng tiền là 200.000.000 đồng, giao nhà máy sản xuất nước đóng chai cho ông C quản lý sử dụng.

+ Một gói bảo hiểm xã hội trị giá 63.000.000 đồng mang tên Huỳnh Công C, ông C đã nhận tiền rồi, yêu cầu nhận $\frac{1}{2}$ giá trị là 31.500.000 đồng.

- Về nợ chung:

+ Nợ tiền hụi bà Nguyễn Thu Đ số tiền 168.000.000 đồng.

+ Nợ tiền hụi ông Nguyễn Tường Q số tiền 156.000.000 đồng.

+ Nợ tiền hụi bà Hồ Thanh N số tiền 20.000.000 đồng.

- + Nợ tiền mượn bà Nguyễn Kim Y số tiền 10.000.000 đồng.
- + Nợ tiền mượn bà Trần Út T số tiền 66.000.000 đồng.
- + Nợ tiền mượn ông Nguyễn Minh T số tiền 40.891.000 đồng.
- + Nợ tiền hụi bà Trương Thị L số tiền 9.000.000 đồng.

Tổng số tiền vợ chồng đang nợ là 469.891.000 đồng, khi ly hôn yêu cầu chia đôi mỗi người trả $\frac{1}{2}$ là 234.945.500 đồng.

** Bị đơn ông Huỳnh Công C trình bày:*

- Về hôn nhân: Nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn mà bà D trình bày là không đúng, trước giờ ông không có đánh vợ nhưng do dịch bệnh Nhà nước không cho tụ tập nhưng vợ cứ đi chơi tới lui, vợ chồng nói qua lại, do nóng tính nên có đánh vợ 01 bạt tay, sau đó vợ ra sân la lối rồi lấy dao chém lại, ông C có báo công an xã đến xác minh và lập biên bản. Gia đình bên vợ xuống rước về vợ về sống từ năm 2022 cho đến nay. Nay bà D yêu cầu ly hôn ông C đồng ý.

- Về con chung: Có 03 người con như bà D trình bày là đúng. Khi ly hôn Hiếu Mãi đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiếu Huy và Gia Nguyễn có nguyện vọng sống với bà D thì ông C cũng đồng ý giao con cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc, đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật đến khi con tròn 18 tuổi.

- Về tài sản:

+ Một căn nhà cấp 4 được cất trên phần đất có diện tích 5m x 21m ở ấp Thanh Điền, xã Lý Văn Lâm, thành phố C. Phần tài sản này khi ly hôn yêu cầu chia $\frac{1}{2}$, nếu bà D nhận đất và nhà thì giao $\frac{1}{2}$ giá trị lại cho ông C.

+ Một căn nhà tiền chế trên phần đất 5m x 32m ở Ấp V, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau không phải là tài sản chung của vợ chồng mà của bà Nguyễn Thị K ở phường 8, thành phố C (mẹ chồng bà Huỳnh Hồng T), nhờ đứng tên dùm từ năm 2018, mỗi tháng ông C được trả 1.000.000 đồng tiền công quản lý.

+ Phần đất 2,68ha khoán rừng và mặt nước nuôi trồng thủy sản thửa đất số 499A, khoảnh 92, Tiểu khu 223 ở Ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau không phải là tài sản chung mà của Lâm Trường cấp cho hộ ông Lê Hữu T, năm 2017 ông C mượn giấy tờ của ông Tư sang tên để tôi vay tiền cất nhà ở Cà Mau. Do vay không được nên giấy để tên ông C cho đến nay.

+ Một nhà máy sản xuất nước đóng chai Quỳnh Duy I tại ấp V của bà Nguyễn Thị K muốn cho cháu nội là Lê Q nhưng lúc đó Quỳnh chưa đủ tuổi nên nhờ ông C đứng tên dùm, mỗi tháng bà Kim trả công 2.000.000 đồng. Nên nhà máy nước lọc này không phải là tài sản chung của vợ chồng.

+ Một gói bảo hiểm xã hội trị giá 63.000.000 đồng mang tên Huỳnh Công C, ông C đã nhận tiền xong, số tiền này không phải tiền chung của vợ chồng mà do đi làm trích tiền lương ra đóng khi nhận đã trả nợ hết cho bà T.

- Về nợ chung:

- + Nợ tiền hụi bà Nguyễn Thu Đ số tiền 168.000.000 đồng.
- + Nợ tiền hụi ông Nguyễn Tường Q số tiền 156.000.000 đồng.
- + Nợ tiền hụi bà Hồ Thanh N số tiền 20.000.000 đồng.
- + Nợ tiền mượn bà Nguyễn Kim Y số tiền 10.000.000 đồng.
- + Nợ tiền mượn bà Trần Út T số tiền 66.000.000 đồng.
- + Nợ tiền mượn ông Nguyễn Minh T số tiền 40.891.000 đồng.
- + Nợ tiền hụi bà Trương Thị L số tiền 9.000.000 đồng.

Đối với tất cả các khoản nợ trên ông C không biết, vì toàn là nợ bên vợ nên ông C không đồng ý cùng bà D có trách nhiệm liên đới thanh toán.

** Ban quản lý rừng phòng hộ Đầm Dơi trình bày:*

Ngày 30/10/2017 Ban quản lý rừng phòng hộ Đầm Dơi có ký Biên bản giao, nhận khoán rừng và mặt nước nuôi trồng thủy sản với ông Huỳnh Công C, tạm giao cho ông C quản lý phần đất tại thửa số 499A khoảnh 92 tiểu khu 223 thuộc Ấp H, xã N, huyện Đ, tổng diện tích 2,68ha. Diện tích có rừng 1,04ha đến nay ông Huỳnh Công C chưa đứng tên Hợp đồng khoán rừng và diện tích mặt nước. Đất này là của ông Lê Hữu T trước đây nhận giao khoán và thanh lý hợp đồng, Ban quản lý đã lập lại hợp đồng giao khoán cho ông Huỳnh Văn T và ông Tùng thanh lý chuyển lại cho ông C hợp đồng với Ban quản lý.

** Ngày 10 tháng 05 năm 2024 Ủy ban nhân dân xã Tam Giang Đông có văn bản trả lời:*

Phần đất ngang 05m dài 32m căn nhà tiền chế và nhà máy sản xuất nước uống đóng chai. Phần đất này do Ủy ban nhân dân xã quản lý, trước đây cho hộ thuê cất nhà ngang 05m dài 20m.

Đối với căn nhà tiền chế: Khi mới thành lập xã, điều kiện kinh tế xã hội còn khó khăn nên có chủ trương chấp thuận thành lập khu dân cư. Tại căn nhà tiền chế trên trước đây Ủy ban nhân dân xã cho ông Lê Quốc Dũng thuê mặt bằng, sau đó ông Dũng chuyển thành quả lao động lại cho ông Trương Thanh Mộng, ông Mộng xây dựng nhà tiền chế để ở. Đến năm 2018 ông Mộng nợ tiền bà T nên Chi cục thi hành án huyện Năm Căn kê biên để thanh toán nợ. Ông Mộng và bà T thỏa thuận ông Mộng chuyển nhượng nhà cho bà T để thanh toán nợ. Bà T quản lý nhà sau đó giao lại cho ông C quản lý bảo hộ cho ông Lê Q, do Lê Q chưa đủ tuổi đứng tên tài sản theo nội dung thỏa thuận ngày 27/02/2019 của gia đình bà Kim. Hiện tại ông C

đã trả lại tài sản trên cho ông Lê Q được Ủy ban nhân dân xã xác nhận ngày 29/4/2022.

Về nhà máy sản xuất nước uống đóng chai: Trước đây do ông Hứa Văn Quyền và bà Ngô Cẩm Loan quản lý. Do ông Quyền và bà Loan nợ tiền bà T nên Chi cục Thi hành án huyện Năm Căn kê biên, ông Quyền và bà Loan thỏa thuận với bà T chuyển nhượng thành quả lao động lại cho bà T để thanh toán nợ. Do con bà T chưa đủ tuổi nên bà T giao lại cho ông C đứng tên hộ thay cho cháu Lê Q theo văn bản thỏa thuận ngày 27/02/2019 của gia đình bà Kim. Hiện tại ông C đã trả lại tài sản trên cho cháu Lê Q được Ủy ban nhân dân xã xác nhận ngày 29/4/2022. Từ khi ông Quyền giao nhà cho bà T thì bà T trực tiếp quản lý cho đến nay.

Đối với hai phần đất trên là do Ủy ban nhân dân xã Tam Giang Đông quản lý nên các hộ không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất này là do Ủy ban nhân dân xã cho hộ thuê thời hạn 10 năm, hiện tại đã hết hạn và tạm thời giữ nguyên hiện trạng để xã thực hiện theo quy hoạch được duyệt. Đối với ông C Ủy ban nhân dân xã Tam Giang Đông không cho ông C thuê nên không có hồ sơ cung cấp cho Tòa án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thu Đ trình bày:*

Vợ chồng Diệu – Chức tham gia tổng cộng 03 dây hụi (05 chân) cụ thể: Dây hụi mở ngày 15/9/2018, loại hụi 1.000.000 đồng, tháng khui 01 lần, 37 chân, Diệu – Chức tham gia 01 chân, hốt kỳ thứ 04 với số tiền 22.600.000 đồng, còn phải đóng lại 32 kỳ = 32.000.000 đồng; Dây hụi mở ngày 15/01/2019, loại hụi 2.000.000 đồng, tháng khui 01 lần, 35 chân, Diệu – Chức tham gia 02 chân, hốt kỳ thứ 04 với kỳ thứ 06 với số tiền 104.020.000 đồng, còn phải đóng hụi chết lại là 118.000.000 đồng; Dây hụi mở ngày 25/9/2020, loại hụi 2.000.000 đồng, tháng khui 01 lần, 34 chân, Diệu – Chức tham gia 02 chân, hốt kỳ thứ 01 với kỳ thứ 02 với số tiền 97.950.000 đồng, còn phải đóng hụi chết lại là 128.000.000 đồng.

Khi hốt hụi và giao hụi thì Diệu, Chức là người trực tiếp nhận tiền. Các dây hụi này đã mãn, sau khi hốt hụi thì Diệu – Chức có đóng hụi chết nhưng không đầy đủ, số tiền đã đóng là 110.000.000 đng, Chức là người chuyển khoản hoặc đưa tiền mặt cho bà.

Nay yêu cầu Diệu – Chức cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền hụi còn nợ cho tôi là 168.000.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tường Q trình bày:*

Vợ chồng bà D, ông C có tham gia các dây hụi của tôi làm chủ từ năm 2019 đến năm 2020. Cụ thể: Dây hụi mở ngày 01/11/2019 ÂL, loại hụi 1.000.000 đồng, tháng khui 01 lần, gồm 36 chân, vợ chồng bà D, ông C tham gia 02 chân, hốt hết 02 chân, có đóng hụi chết nhưng không đầy đủ, số tiền nợ hụi chết dây hụi này là

38.000.000 đồng; Dây hui mở ngày 15/8/2020 ÂL, loại hui 1.000.000 đồng, tháng khui 01 lần, gồm 30 chân, vợ chồng bà D, ông C tham gia 05 chân và hốt hết 05 chân, tôi chuyển khoản vào số tài khoản của ông C. Sau khi hốt hui vợ chồng bà D có đóng hui chết nhưng không đầy đủ, số tiền nợ hui chết của dây hui này là 115.000.000 đồng; Ngoài ra năm 2018 vợ chồng bà D còn nợ 3.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền vợ chồng bà D, ông C còn nợ là 156.000.000 đồng.

Nay yêu cầu bà D, ông C cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền hui còn nợ cho tôi là 156.000.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Út T trình bày:*

Vợ chồng bà D, ông C nợ tôi 02 khoản: Về hui: Hui do bà D làm chủ, hui mở ngày 06/4/2019, loại hui 1.000.000 đồng, gồm 23 chân, tôi tham gia 02 chân, đóng hui đến mãn nhưng bà D chưa chung hui với số tiền 42.800.000 đồng; Về tiền mượn: Bà D, ông C mượn 20.000.000 đồng vào năm 2019, mục đích là cho bà D đi sinh con. Sau đó bà D, ông C có mượn thêm 3.200.000 đồng. Tổng số tiền ông C, bà D còn nợ tôi là 66.000.000 đồng.

Nay yêu cầu bà D, ông C cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền hui và tiền mượn còn nợ cho tôi, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh T trình bày:*

Tôi có thanh toán 40.891.000 đồng cho Công ty tài chính Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng hợp đồng vay của Diệu, Chúc. Nay yêu cầu vợ chồng Diệu, Chúc chia đôi thanh toán số nợ trên cho tôi, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Hồng T trình bày:*

Toàn bộ tài sản bà D trình bày (trừ căn nhà cấp IV ở Cà Mau) thì đó là tài sản của tôi, do hoàn cảnh gia đình nên tôi mới giao cho cha mẹ tôi (ông Tùng, bà Huệ) quản lý và canh tác phần đất ở Ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Đến năm 2017 thì Huỳnh Công C mới mượn phần đất để vay tiền làm ăn nhưng thực tế là đất vẫn do cha mẹ tôi canh tác. Phần căn nhà và nhà máy đóng nước chai là cũng của tôi do tôi được nhận từ Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn kê biên tài sản của những người thiếu nợ tôi trước đó, do không có người trông coi vì con trai tôi chưa đủ tuổi nên tôi mới tạm giao lại cho Huỳnh Công C quản lý và hàng tháng tôi đề trả tiền thuê cho Chúc.

Nay vợ chồng Diệu, Chúc ly hôn thì tôi yêu cầu trả lại toàn bộ tài sản nêu trên cho tôi. Phần tiền Diệu, Chúc mượn tôi để cất nhà ở Cà Mau tôi sẽ khởi kiện sau.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Nguyễn Hiếu M trình bày:*

Yêu cầu Tòa án công nhận căn nhà và đất ở ấp Thạnh Điền, xã Lý Văn Lâm, thành phố C là tài sản chung của cả gia đình tôi, còn số tiền 25.000.000 đồng tôi đã

trả tiền chuyển nhượng đất của ông Nam tôi không yêu cầu cha mẹ tôi trả lại và khi cha mẹ ly hôn thì yêu cầu Tòa án xem xét cho tôi được nhận căn nhà và đất để có chỗ cho mẹ con tôi sinh sống.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Q trình bày:*

Anh xác định căn nhà tiền chế thứ nhất ở Ấp V, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau nguồn gốc của của ông Trương Thanh Mộng và bà Dương Thị Mận. Do ông Mộng và bà Mận nợ tiền hụi của mẹ anh 926.500.000 đồng. Sau khi Tòa án giải quyết xong Chi cục thi hành án huyện Năm Căn kê biên xử lý tài sản theo thỏa thuận là 300.000.000 đồng. Bà nội anh Quỳnh bỏ tiền ra mua lại để tặng cho anh Quỳnh, do thời điểm tặng cho anh Quỳnh chưa đủ tuổi nên nhờ ông C là cậu ruột đứng tên khi nào anh Quỳnh đủ tuổi sẽ giao lại. Hàng tháng bà Kim phải trả cho ông C 1.000.000 đồng. Hiện nay ông C đã làm thủ tục chuyển tên lại cho anh Quỳnh xong không còn liên quan đến ông C.

Căn nhà thứ hai là hăng nước đóng chai cũng tại Ấp V, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau nguồn gốc là của ông Hứa Văn Quyền và bà Ngô Cẩm Loan. Do ông Quyền và bà Loan nợ tiền hụi mẹ anh Quỳnh là bà T 770.000.000 đồng nên Chi cục thi hành án huyện Năm Căn kê biên xử lý toàn bộ tài sản nên bà nội anh Quỳnh mua cho anh Quỳnh và nhờ cậu là ông C đứng tên hộ hàng tháng trả cho ông C 2.000.000 đồng. Thực tế mẹ anh Quỳnh là bà T quản lý kinh doanh nước đóng chai từ khi mua cho đến nay. Hiện nay cũng đã làm thủ tục chuyển tên lại cho anh Quỳnh. Hiện tại hộ sản xuất kinh doanh đứng tên Quỳnh Duy là tên của hai anh em Quỳnh Duy. Từ những lý do trên đề nghị yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bà D yêu cầu chia tài sản với ông C đối với hai căn nhà nêu trên vì không liên quan đến tài sản của ông bà.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 88/2024/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, xử:

- Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Xuân D và ông Huỳnh Công C.

- Về nuôi con chung: Huỳnh Nguyễn Hiếu M, sinh năm 2003 đã trưởng thành không đề cập xem xét. Giao cháu Huỳnh Nguyễn Hiếu Huy, sinh ngày 26/10/2012 và Huỳnh Nguyễn Gia Huy, sinh ngày 30/8/2019 cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Huỳnh Công C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng là 3.640.000 đồng cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

- Về tài sản: Không chấp nhận yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung của bà Nguyễn Xuân D đối với ông Huỳnh Công C gồm: Diện tích đất 2,68ha tại thửa số

499A khoảnh 92 tiểu khu 223 thuộc Ấp H, xã N, huyện Đ, tổng trị giá 680.094.000 đồng; 01 căn nhà tiền chế trị giá 300.000.000 đồng và 01 hăng nước lọc trị giá 400.000.000 đồng tại Ấp V, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau và số tiền bảo hiểm xã hội 63.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản đối với nhà và đất có diện tích ngang 05m x dài 21m, trị giá 400.000.000 đồng tọa lạc tại ấp Thanh Điền, xã Lý Văn Lâm, thành phố C. Do bà D và ông C rút lại tự thỏa thuận giao lại cho các con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chấp nhận yêu cầu thanh toán nợ chung của bà Nguyễn Xuân D đối với ông Huỳnh Công C. Buộc bà D có nghĩa vụ thanh toán $\frac{1}{2}$ khoản nợ gồm:

Thanh toán cho bà Nguyễn Thu Đ: 84.000.000 đồng.

Thanh toán cho ông Nguyễn Tường Q: 78.000.000 đồng.

Thanh toán cho bà Trần Út T: 33.000.000 đồng.

Thanh toán cho ông Nguyễn Minh T: 20.445.500 đồng.

Buộc ông C có nghĩa vụ thanh toán $\frac{1}{2}$ khoản nợ gồm:

Thanh toán cho bà Nguyễn Thu Đ: 84.000.000 đồng.

Thanh toán cho ông Nguyễn Tường Q: 78.000.000 đồng.

Thanh toán cho bà Trần Út T: 33.000.000 đồng.

Thanh toán cho ông Nguyễn Minh T: 20.445.500 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 09/10/2024, bà Nguyễn Xuân D kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét yêu cầu chia đôi, mỗi người $\frac{1}{2}$ đối với 03 tài sản là nhà đất tại Ấp V, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau; phần đất 2,68ha tại Ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau và nhà máy nước đóng chai Huỳnh Duy tại Ấp V, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09/10/2024, ông Huỳnh Công C kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con là Huỳnh Nguyễn Gia Hiếu và không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung là do ông đứng tên dùm chị ông, về nợ chung thì ông xác định không biết nên không đồng ý chia.

Ngày 22/10/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau kháng nghị bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 88/2024/HNGĐ ST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện năm Căn, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau thay đổi kháng nghị đề nghị sửa án sơ thẩm. Các đương sự giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phần tranh luận: Bà D, ông C không tham gia tranh luận.

Bà T tranh luận: Các tài sản bà D yêu cầu chia là tài sản của bà nhờ ông C đứng hộ để sau này chuyển tên qua cho con là anh Lê Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Xét thấy kháng cáo của bà D là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà D, không chấp nhận kháng cáo của ông C, căn cứ khoản 2 Điều 308 sửa án sơ thẩm theo hướng buộc ông C chia tài sản chung cho bà D, giao cho bà D 200.000.000 đồng, không buộc bà D chịu án phí trên số tài sản yêu cầu không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Công C, yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung. Ông C đồng ý ly hôn nhưng không đồng ý chia tài sản chung và nợ chung. Án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn và bị đơn kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau kháng nghị.

[2] Tại đơn khởi kiện ngày 26/4/2022, bà D khởi kiện xin ly hôn, yêu cầu được nuôi con và yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung.

[2.1] Bà D yêu cầu đối với căn nhà cấp 4 có diện tích 5m x 21m tọa lạc tại ấp Thạnh Điền, xã Lý Văn Lâm, thành phố C giao cho bà D và các con sinh sống; 01 căn nhà tiền chế diện tích 5m x 32m tại Ấp V, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau trị giá 300.000.000 đồng, đồng ý giao cho ông C quản lý; Phần đất diện tích đất 2,68ha tại thửa số 499A khoảnh 92 tiểu khu 223 thuộc Ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau tổng trị giá 680.094.000 đồng và 01 hăng nước lọc trị giá 400.000.000 đồng tại Ấp V, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau và số tiền bảo hiểm xã hội 63.000.000 đồng yêu cầu được chia đôi, bà D nhận tiền. Đồng thời yêu cầu ông C thanh toán nợ chung.

[2.2] Trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết, bà D thay đổi yêu cầu là rút lại yêu cầu giải quyết căn nhà và đất ở xã Lý Văn Lâm, thành phố C, các tài sản còn lại bà D yêu cầu chia và thực hiện các thủ tục theo quy định nên án sơ thẩm đã giải quyết toàn bộ phần tài sản bà D yêu cầu là không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu.

[3] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Xuân D

[3.1] Đối với phần đất rừng theo Hợp đồng giao khoán 2,68 ha, theo lời trình bày của bà D phần đất trên bà và ông C được cha mẹ chồng là ông Tùng và bà Huệ tặng cho năm 2001 nhưng chưa sang tên, năm 2003 sống ly thân, đến năm 2009 bà và ông C được gia đình hàn gắn nên về sống chung thì cha mẹ chồng của bà có hứa cho phần đất rừng nêu trên. Xét lời trình bày của bà D là không phù hợp vì phần đất rừng nêu trên là của ông Lê Hữu T trực tiếp ký hợp đồng với Ban quản lý rừng Đầm Dơi từ năm 1994, thời hạn của hợp đồng là 20 năm; tại thời điểm bà D trình bày được cha mẹ chồng cho phần đất rừng thì ông Tư là người trực tiếp đứng tên trên hợp đồng giao khoán và trực tiếp canh tác phần đất trên. Đến năm 2015, ông Lê Hữu T thanh lý hợp đồng với Ban quản lý rừng Đầm Dơi và Ban quản lý tiếp tục ký hợp đồng giao khoán với ông Huỳnh Văn T 20 năm (ông Tùng là cha vợ của ông Lê Hữu T). Đến năm 2017, ông C xác định mượn phần đất của ông Tư để vay tiền ngân hàng đã được ông Tư đồng ý nên ông Tùng chuyển tên lại cho ông C trên biên bản thanh lý hợp đồng, ông C chưa được xác lập hợp đồng với Ban quản lý.

Lời trình bày của ông C phù hợp với biên bản họp gia đình ngày 25/9/2017 nội dung xác định ông Huỳnh Văn T có cho ông C mượn phần đất với thời gian 05 năm để làm ăn, sau đó sẽ chuyển trả lại cho ông Tùng hoặc cho ông Lê Hữu T. Lý do đất này là của ông Lê Hữu T giao lại cho ông Tùng quản lý sử dụng. Biên bản này có sự đồng ý ký tên của ông Tùng, ông Tư và ông C cùng gia đình. Do đó bà D xác định phần diện tích đất này cho bà và ông C vào năm 2009 là tài sản chung của vợ chồng nên yêu cầu ông C giao lại giá trị là 200.000.000 đồng là không có cơ sở.

[3.2] Đối với tài sản là căn nhà tiền chế cất trên đất có chiều ngang 5m x chiều dài 32m tại Ấp V, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau trị giá 300.000.000 đồng; 01 hăng sản xuất nước lọc tại Ấp V, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau trị giá 400.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà D xác định đây là tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ bà D xin nhận tiền đối với hai loại tài sản trên là 200.000.000 đồng, ông C không đồng ý vì xác định đây là tài sản đứng tên hộ cho cháu là Lê Q do bà nội cháu Quỳnh là bà Kim bỏ tiền ra mua. Do cháu Quỳnh chưa đủ tuổi nên nhờ ông C đứng tên hộ.

Xét về nguồn gốc của căn nhà và đất có chiều ngang 5m x chiều dài 32m tại Ấp V, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau, theo công văn số 47/UBND ngày 10/5/2024 của Ủy ban nhân dân xã Tam Giang Đông xác định 02 phần đất trên trước đây là đất của Ủy ban nhân dân (UBND) xã quản lý và đã xin chủ trương của cấp có thẩm quyền sau đó cho hộ dân thuê lại. Cụ thể phần nhà đất bà D yêu cầu là trước đây UBND xã cho ông Lê Quốc Dũng thuê đất cất nhà, sau đó ông Dũng chuyển nhượng thành quả lao động lại cho ông Trương Thanh Mộng. Do ông Mộng nợ tiền bà Huỳnh Hồng T nên Cơ quan thi hành án huyện Năm Căn kê biên căn nhà cất trên đất để thanh toán nợ cho bà T. Đối với Nhà và đất hăng nước lọc tại Ấp V,

xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau trước đây do ông Hứa Văn Quyền và bà Ngô Cẩm Loan quản lý. Do ông Quyền, bà Loan nợ bà T nên Chi cục thi hành án huyện Năm Căn kê biên bán thanh toán nợ cho bà T. Tất cả tài sản này bà T quản lý và sau đó thỏa thuận cho ông C đứng tên hộ để chuyển lại cho cháu Lê Q theo giấy thỏa thuận gia đình tại biên bản ngày 27/02/2019 và ngày 15/5/2019 gia đình cũng đã có biên bản thỏa thuận là ông C đứng tên hộ cho cháu Lê Q cho đến khi cháu đủ tuổi sẽ giao lại toàn bộ tài sản lại. Bà D xác định đã mua các tài sản trên từ ông Mộng và ông Quyền nhưng không có chứng cứ chứng minh việc giao nhận tiền trong khi tài sản trên đã được cơ quan thi hành án kê biên để thu hồi nợ cho bà T. Do đó, không có cơ sở xác định đây là tài sản chung của vợ chồng bà D và ông C nên bà D yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị là không được chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của ông Huỳnh Công C:

[4.1] Tại phiên tòa, ông C yêu cầu được nuôi con chung là Huỳnh Nguyễn Hiếu Huy và không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, từ khi phát sinh tranh chấp cho đến nay các con chung đều sống với bà D và có ý kiến được sống chung với bà D. Để tránh làm xáo trộn cuộc sống, ảnh hưởng tâm lý của các con chung nên án sơ thẩm giao con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, ông C cấp dưỡng nuôi con là phù hợp, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông C đối với yêu cầu này.

[4.2] Đối với các khoản nợ, ông C xác định là không có nợ vì vợ chồng đã thanh toán xong các khoản nợ hui từ năm 2018 và không có tham gia chơi tiếp.

Xét đối với khoản nợ tiền hui do bà Nguyễn Thu Đ yêu cầu số tiền 168.000.000 đồng, bà Đ xác định đây là nợ của 01 chung hui 1.000.000 đồng mở ngày 15/9/2018 và 01 dây hui 2.000.000 đồng mở ngày 15/01/2019, bà D ông C tham gia 02 chung và 01 dây hui 2.000.000 đồng mở ngày 25/9/2020, bà D ông C tham gia 02 chung. Tại phiên tòa, bà D thừa nhận khoản nợ của bà Đ và cho rằng đây là số tiền nợ của 03 chung hui 1.000.000 đồng và 02 chung hui 2.000.000 đồng, bà D xác định chung hui 2.000.000 đồng hết sau cùng nhưng không trừ lại số tiền hui thiếu trước đó nên số tiền thiếu mới lên đến 168.000.000 đồng. Xét lời trình bày của bà Đ và bà D không phù hợp với nhau về khoản nợ, bà Đ và bà D cũng không trình bày được còn nợ bao nhiêu chung hui, cách tính số tiền nợ để ra được 168.000.000 đồng. Căn cứ vào sổ theo dõi hui do bà Đ cung cấp cho Tòa án do bà Đ trực tiếp đánh dấu theo dõi, thể hiện số tiền còn nợ của 05 chung hui là 131.000.000 đồng. Bà Đ xác định còn một số giấy tờ ghi theo dõi hui thể hiện bà D ông C còn nợ hui nhưng các giấy tờ trên hiện nay đã thất lạc. Do đó, chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu của bà Đ trên số tiền 131.000.000 đồng theo sổ theo dõi hui.

[4.3] Đối với khoản nợ của hui của ông Q thì ông C có tham gia giao nhận chuyển khoản, nợ của ông Thông thể hiện là mượn để trả nợ công ty tài chính. Đối

với nợ tiền mượn bà Trần Út T có ghi tên trong danh sách hụi do bà D làm chủ và là chị em dâu nên việc mượn số tiền 20.000.000 đồng không có giấy tờ, nhưng các bên trình bày phù hợp nhau nên được chấp nhận.

[5] Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát tỉnh Cà Mau về việc hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát thay đổi kháng nghị, theo hướng sửa án sơ thẩm buộc ông C chia tài sản chung cho bà D với số tiền là 200.000.000 đồng, đồng thời không buộc bà D chịu án phí trên số tài sản không được chấp nhận.

Như nhận định trên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà D nên không có cơ sở buộc ông C chia tài sản cho bà D bằng 200.000.000 đồng theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Tuy nhiên, do bà D yêu cầu chia tài sản chung trong hôn nhân nhưng án sơ thẩm buộc bà D chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên các tài sản không được chấp nhận là không đúng theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Từ nhận định trên, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát, chấp nhận một phần kháng cáo của ông C, không chấp nhận kháng cáo của bà D, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

[6] Án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên điều chỉnh lại phần án phí. Đối với yêu cầu của bà Đ không được chấp nhận thì bà Đ phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông C được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí, kháng cáo của bà D không được chấp nhận nên bà D phải chịu 300.000 đồng, có nộp tạm ứng được chuyển thu.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Xuân D.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Huỳnh Công C.

Sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 88/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Xuân D và ông Huỳnh Công C.

2. Về nuôi con chung: Huỳnh Nguyễn Hiếu M, sinh năm 2003 đã trưởng thành không đề cập xem xét. Giao cháu Huỳnh Nguyễn Hiếu Huy, sinh ngày 26/10/2012 và Huỳnh Nguyễn Gia Huy, sinh ngày 30/8/2019 cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Huỳnh Công C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng là 3.640.000 đồng cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

3. Về tài sản: Không chấp nhận yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung của bà Nguyễn Xuân D đối với ông Huỳnh Công C gồm: Diện tích đất 2,68ha tại thửa số 499A khoảnh 92 tiểu khu 223 thuộc Ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; 01 căn nhà tiền chế và 01 hăng nước lọc đóng chai, Ấp V, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau và số tiền bảo hiểm xã hội 63.000.000 đồng.

4. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản đối với nhà và đất có diện tích ngang 05m x dài 21m, trị giá 400.000.000 đồng tọa lạc tại ấp Thạnh Điền, xã Lý Văn Lâm, thành phố C.

5. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Buộc bà Nguyễn Xuân D và ông Huỳnh Công C, mỗi người có nghĩa vụ thanh toán nợ gồm:

Thanh toán cho bà Nguyễn Thu Đ: 65.500.000 đồng.

Thanh toán cho ông Nguyễn Tường Q: 78.000.000 đồng.

Thanh toán cho bà Trần Út T: 33.000.000 đồng.

Thanh toán cho ông Nguyễn Minh T: 20.445.500 đồng.

6. Chi phí tố tụng: Do không chấp nhận yêu cầu chia tài sản của bà D nên chi phí đo đạc, thẩm định bà D phải chịu toàn bộ số tiền là 8.995.000 đồng (làm tròn). Bà D đã nộp tạm ứng và thanh toán xong.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

7. Về án phí:

7.1. Án phí sơ thẩm:

- Buộc bà Nguyễn Xuân D phải chịu: Án phí Hôn nhân và gia đình là 150.000 đồng; Án phí thanh toán nợ chung: 9.847.000 đồng. Ngày 26/4/2022, bà D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 19.425.000 đồng (Biên lai thu tiền số 0015535) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ. Số tiền còn thừa bà D được nhận lại.

- Buộc ông Huỳnh Công C phải nộp gồm: Án phí Hôn nhân và gia đình là 150.000 đồng; Án phí cấp dưỡng nuôi con: 300.000 đồng; Án phí thanh toán nợ chung: 9.847.000 đồng (chưa nộp).

- Buộc bà Nguyễn Thu Đ phải chịu 1.850.000 đồng. Ngày 10/7/2024, bà Đ có nộp tạm ứng số tiền 4.200.000 đồng (Biên lai thu tiền số 0014092) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được chuyển thu đối trừ, số tiền còn thừa bà Đ được nhận lại.

- Ông Nguyễn Tường Q được nhận lại số tiền 3.900.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0014087 ngày 08/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn.

- Bà Trần Út T được nhận lại số tiền 1.650.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0014093 ngày 10/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn.

- Ông Nguyễn Minh T được miễn toàn bộ án phí.

7.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Xuân D phải chịu 300.000 đồng. Ngày 09 tháng 10 năm 2024, bà D đã nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng tại biên lai số 0014174 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được chuyển thu.

Ông Huỳnh Công C không phải chịu. Ngày 09 tháng 10 năm 2024, ông C đã nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng tại biên lai số 0014175 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được nhận lại.

8. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Cẩm Đào